

TƯ TƯỞNG KITÔ GIÁO Ở VIỆT NAM

Đào Thị Thanh Quỳnh

Không như một số nước trong khu vực chọn một tôn giáo làm quốc giáo, Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo cùng tồn tại song hành với nhau. Các tôn giáo lớn trên thế giới hầu như đều có mặt tại quốc gia hình chữ S này: Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Thiên chúa giáo, Tin lành giáo... Quá trình hội nhập, hình thành và nảy nở phát triển một tôn giáo là cả một quá trình không ngắn và thường kèm theo những biến động lịch sử. Vì thế trong tiến trình phát triển chung của một quốc gia, tôn giáo đóng vai trò như nhịp cầu nối liền các tư tưởng và văn hóa của xã hội

Trong các tôn giáo lớn có mặt tại Việt Nam thì Kitô giáo ít được biết đến hơn cả. Điều đó không có nghĩa là các tín đồ theo đạo không đông hay vì các giáo lý, đạo đức không phù hợp với truyền thống dân ta mà trên hết là vì Kitô giáo gắn liền với một giai đoạn xâm lược của thực dân Pháp. Tuy nhiên, dù quá trình thâm nhập của tôn giáo này có như thế nào thì chúng ta cũng không thể phủ nhận những đóng góp to lớn mà Kitô giáo mang lại.

I. QUÁ TRÌNH DU NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN KITÔ GIÁO TẠI VIỆT NAM

1) Lịch sử đạo Kitô

Kitô giáo, còn gọi là Cơ Đốc giáo hoặc Thiên Chúa giáo, là tôn giáo thuộc truyền thống Abraham, Abraham là tổ phụ của dân Do Thái và dân Ả Rập. Từ “Thiên Chúa” (Catholique) có thể được hiểu theo 2 nghĩa chính. Nghĩa thứ nhất là *vạn năng* hay *phổ quát*, chính từ nghĩa này mà những người Catholique Việt Nam tự nhận mình là người Công giáo. Nghĩa thứ hai để chỉ những người Cơ đốc giáo thừa nhận quyền uy của Giáo hội do giám mục Rôma, tức Giáo hoàng, đứng đầu, để phân biệt họ với tất cả những người Cơ đốc giáo không thừa nhận quyền uy của Giáo hội này. Căn cứ vào nghĩa thứ hai

mà người ta đối lập đạo Thiên Chúa với đạo Tin Lành, với Chính thống giáo ở phía Đông, với các giáo phái ở Ai Cập

Kitô giáo được hình thành qua cuộc đời, lời rao giảng, cái chết trên thập tự giá và sự sống lại của Chúa Giêsu như đã mô tả trong Kinh thánh Tân Ước. Người Kitô hữu tin rằng Giêsu là con của Thiên Chúa và là Đấng Messiah của người Do Thái như đã được tiên báo trong Kinh thánh Cựu Ước. Giêsu là một người thợ mộc bình dân xứ Nazareth, được Jean-Baptiste rửa tội vào ngày lễ Thiên di năm 28, bị đóng đinh câu rút vào tháng 4 năm 30 theo lệnh quan khâm mạng La Mã Ponce-Pilate, ông này nghe theo sự thúc ép của các thân hào Do Thái. Sách Phúc Âm và Thánh Paul kể lại rằng Giêsu đã sống lại 3 ngày sau và đã xuất hiện nhiều lần trước các tông đồ và các môn đệ của mình. Thánh Matthieu (XXVIII 16-20) kể rằng ở miền Galilée, Người đã hiện ra trên núi và đã nói với họ: “ Các người hãy đi và hãy dạy dỗ các dân tộc, rửa tội cho họ nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, giúp họ giữ gìn tất cả những gì ta đã dặn bảo”. Câu nói trên, bổ sung những giáo huấn của con người được gọi tên là chúa Cơ đốc, đã thật sự hợp thành Hiến chương thành lập Giáo hội.

Sách Tông đồ truyền ký, kể lại những buổi đầu rất âm thầm của giáo phái bé nhỏ này. Lúc đầu tín đồ đều là người Do Thái, cho đến khi Thánh Paul, một nhà bác học Do Thái, sinh ở Tarse và vì thế có tư cách công dân La Mã, bắt đầu truyền đạo ra tới những dân “ không Do Thái” trong các chuyến đi của mình.

Thánh Paul bị giam hai lần ở Rôma và mất tại đó vào năm 67 cuối triều Nerone bạo chúa. Khoảng 50 năm sau vụ cháy Rôma, nhà sử học không tôn giáo Tacite kể lại rằng vào thời ấy dân Cơ đốc giáo ở Rôma đã là một “quần chúng đông đảo”. Trong nửa sau thế kỷ thứ 1 giáo phái mới có sự phát triển rất lớn ở bên trong và cả bên ngoài đế chế La Mã

2) Quá trình hình thành và phát triển Kitô giáo tại Việt Nam

Từ thế kỉ XVI, vùng Viễn Đông đã trở thành nơi tập trung lui tới mua bán, trao đổi của các nước phương Tây, chủ yếu là các đoàn thám hiểm, các thương nhân hay các giáo

sĩ truyền đạo. Việt Nam cũng là nơi giao lưu thương mại với phương Tây, song các giáo sĩ thực sự chưa mấy quan tâm, thỉnh thoảng có một vài giáo sĩ Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha dừng chân giảng đạo thì chỉ là sự dò dẫm tìm hiểu hay ngẫu nhiên chứ chưa có kết quả đáng kể nào

Trong bộ *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* được soạn thảo dưới triều Tự Đức có nói đến chỉ dụ cấm đạo Thiên Chúa (hay đạo Gia-tô, phiên âm từ Giêsu của chữ Hán) chú thích như sau:

"Gia-tô, dã lục, Lê Trang Tông, Nguyên Hoà nguyên niên, tam nguyệt nhật, Dương nhân I-nê-khu tiềm lai Nam Chân chi Ninh Cường, Quần Anh, Giao Thủy chi Trà Lũ âm dĩ Gia-tô tả đạo truyền giáo".
Dịch nghĩa: “Đạo Gia-tô, theo bút ký của tư nhân, tháng 3 năm Nguyên Hoà thứ nhất (1533) đời Lê Trang Tông, có người Tây dương tên I-Nê-Khu, lên đến truyền đạo Gia-tô ở làng Ninh Cường và Quần Anh, huyện Nam Chân và làng Trà Lũ, huyện Giao Thủy”.

Tuy nhiên những chi tiết liên hệ tới Inekhu (có lẽ là phiên âm của *Inigo* trong tiếng Tây Ban Nha - nay phiên âm là Inhaxiô) ngày nay không còn được ghi nhớ, và do đó không ai biết rõ về tông tích, cũng như về công cuộc truyền đạo của vị thừa sai thứ nhất này.

Tiếp tục công cuộc truyền giáo của các vị truyền giáo đầu tiên, đã có rất nhiều nhà truyền giáo thuộc nhiều dòng tu và hội thừa sai khác đã đến Việt Nam. Vì thế, nhiều nhà sử học Công giáo Việt Nam đã chọn năm 1533 là năm khởi đầu cho đạo Công giáo tại Việt Nam.

Mãi đến năm 1615 khi nhiều giáo sĩ dòng Tên của Bồ Đào Nha được cử sang truyền giáo ở Nhật Bản dừng chân tại Hải Phố (nơi mua bán sầm uất của Đàng trong để giúp các giáo dân nhật bản tránh nạn nơi đây duy trì đời sống đạo thì cuộc truyền giáo tại Việt Nam mới bắt đầu mở ra nhiều cơ hội thuận lợi

Ngày 15 tháng 1 năm 1615, linh mục Francesco Buzomi, Diego Carvalho và các trợ sĩ đến Cửa Hàn, Đà Nẵng. Tiếp theo là Francisco de Pina, Cristoforo Borri, nhất là Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ) đến Cửa Bạng, Thanh Hóa.

Bằng việc kế thừa và hoàn chỉnh dạng chữ viết tiếng Việt bằng mẫu tự Latinh, A. de Rhodes đã giúp cho khá nhiều giáo sĩ thừa sai sau này nhanh chóng học được tiếng Việt – là lợi khí sắc bén để các giáo sĩ ngoại quốc có thể tiếp xúc với người bản xứ và truyền bá tôn giáo. Những đóng góp của A. de Rhodes đã tạo được những nền móng đầu tiên cho Giáo hội Thiên Chúa giáo ở Việt Nam. Không những vậy ông còn có công trong việc thành lập Hội thừa sai Paris (1663) nhằm đào tạo các giáo sĩ thừa sai người Pháp đi làm nhiệm vụ truyền giáo ở vùng Viễn Đông, trong đó có Việt Nam. Kể từ đây, nước Pháp nắm độc quyền truyền giáo cũng như bành trướng thế lực ở vùng này

Giáo phận lúc này được chia làm Giáo phận Đàng Trong và Giáo phận Đàng Ngoài.

Năm 1669, Lambert tới Phố Hiến (Hưng Yên) và đầu năm 1670, ông truyền chức linh mục cho 7 thầy, chủ toạ công đồng đầu tiên ở Phố Hiến, lập dòng Mến Thánh giá tại Kiên Lao (Bùi Chu) và Bái Vàng (Hà Tây). Lambert là giám mục tiền khởi của tòa thánh La Mã và của Hội thừa sai Paris đã có những đóng góp cụ thể, thiết thực và rất cơ bản cho việc truyền bá Thiên Chúa giáo ở Việt Nam

Theo lời mời của giám mục Phanxicô Pallu vì những đòi hỏi rất khẩn trương tại Việt Nam, số tín hữu tân tòng tiếp tục gia tăng, linh mục giám tỉnh Dòng Anh Em Thuyết Giáo Felipe Pardo, O.P., từ Manila đã phái hai linh mục Juan de Santa Cruz và Juan Arjona đi lối Trung Linh (Bùi Chu) lên Phố Hiến (Hưng Yên) ngày 7 tháng 7 năm 1676. Nhưng, sự bất hoà giữa các thừa sai dòng Tên và các giám mục thuộc Hội Thừa sai Paris, cùng với các sắc chỉ cấm đạo của vua chúa Việt Nam khi ấy khiến các vị thừa sai đã đi tìm một giải pháp mới, mà người ta cho rằng, đã tạo cơ hội người Pháp có điều kiện can thiệp và xâm chiếm Việt Nam bằng vũ lực sau này.

Năm 1679 Giáo hoàng Innocencio XI lại chia giáo phận Việt Nam thành Giáo phận Đàng Trong, Giáo phận Tây Đàng Ngoài và Giáo phận Đông Đàng Ngoài.

Giám mục Pigneau de Béhaine, quen gọi là Bá Đa Lộc, Đại diện Tông tòa Đàng Trong (1771-1799), đã hết lòng giúp đỡ Nguyễn Phúc Ánh, khi ông đang bị khốn đốn bởi cuộc vây hãm của quân Tây Sơn. Giám mục này đã đưa hoàng tử Nguyễn Phước Cảnh (lúc bấy giờ mới lên 4 tuổi) sang Pháp và vận động người Pháp giúp đỡ tàu chiến, vũ khí để Nguyễn Phúc Ánh chống Tây Sơn và chúa Trịnh.

Tâm định của các vị thừa sai và của giám mục Bá Đa Lộc là muốn cho người Công giáo Việt Nam được an thân giữ đạo và đạo Chúa được mở rộng. Ông đã nuôi dạy hoàng tử Cảnh ở dinh Tân Xá. Sau khi ở Pháp về năm 1789, hoàng tử Cảnh không chịu làm lễ bái trước bàn thờ chư vị tiên đế khiến Gia Long rất bức tức. Bá Đa Lộc cũng đã khuyên hoàng tử Cảnh phải tôn trọng tục lệ thờ kính ông bà và lễ bái trước bàn thờ chư vị tiên đế^[5]. Đây cũng là một trong những nguyên nhân sâu xa khiến vua Gia Long không chọn hoàng tôn Đán mà lại chọn người con thứ là hoàng tử Đảm sau này.

Bá Đa Lộc chết ngày 9 tháng 10, 1799 và hoàng tử Cảnh chết năm 1801 làm dập tắt hi vọng của người Công giáo Việt Nam về một thời kì tự do truyền đạo.

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, lấy hiệu là Gia Long, triều đại đầu tiên của nhà Nguyễn đóng đô ở Phú Xuân, Huế thì việc phát triển đạo Thiên Chúa ở Đàng Trong đạt được nhiều kết quả khả quan

Tuy nhiên, người Công giáo bắt đầu gặp nhiều cuộc cấm đạo kể từ triều vua Minh Mạng. Đặc biệt là *Phong trào Văn Thân* với khẩu hiệu “Bình Tây sát Tả” vào những năm 1867-1868, 1873-1874 và 1883-1885.

Vào các năm sau đó, Tòa Thánh đã chia Giáo phận Đàng Trong, Giáo phận Tây Đàng Ngoài, Giáo phận Đông Đàng Ngoài thành các giáo phận: ở Đàng Trong: Tây Đàng Trong (Sài Gòn), Đông Đàng Trong (Quy Nhơn), Bắc Đàng Trong (Huế), Nam Vang

(Cần Thơ). Ở Đàng Ngoài: Tây Đàng Ngoài (Hà Nội), Nam Đàng Ngoài (Vinh), Đông Đàng Ngoài (Hải Phòng), Trung Đàng Ngoài (Bùi Chu) và Bắc Đàng Ngoài (Bắc Ninh).

Khi triều đình Huế ký Hiệp ước Giáp Thân 1884 với Pháp, công nhận sự đô hộ của Pháp thì Công giáo Việt Nam lúc đó mới thật sự được tự do, công khai hoạt động. Giáo dân tăng nhanh, cơ sở tôn giáo như: nhà thờ, tu viện, tòa giám mục, trường học, viện dưỡng lão, viện cô nhi... được xây dựng khắp nơi. Các giáo phận được chia nhỏ lại: miền Bắc: Hà Nội, Phát Diệm, Hưng Hoá, Vinh, Hải Phòng, Bùi Chu, Bắc Ninh và Phủ doãn Lạng Sơn. Ở miền Nam: Sài Gòn, Quy Nhơn, Huế, và một phần của giáo phận Nam Vang. Tổng cộng là 12 giáo phận. Năm 1925, Tòa Thánh lập Tòa khâm sứ ở Đông Dương, đặt tại Phủ Cam (Huế). Ngày 10 tháng 01 năm 1933, Giáo hoàng Piô XI ra sắc lệnh bổ nhiệm Linh mục Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông làm Giám mục Hiệu tòa Sozopoli, giữ chức Giám mục phó với quyền kế vị giáo phận Phát Diệm. Ông là vị giám mục tiên khởi người Việt Nam.

Sau Cuộc di cư Việt Nam 1954, Công giáo ở Miền Bắc bị xáo trộn còn Công giáo ở Miền Nam bị thay đổi cấu trúc, giáo phận Cần Thơ thành lập, tách ra từ giáo phận Nam Vang; giáo phận Nha Trang thành lập, tách ra từ giáo phận Quy Nhơn.

Với sự di cư của gần 1 triệu giáo dân từ Bắc vào Nam, có 2 đời tổng thống là giáo dân, Công giáo tại miền Nam Việt Nam có những bước phát triển mạnh mẽ. Cuối năm 1959, Tòa thánh cho thành lập Tòa Khâm sứ mới tại miền Nam Việt Nam. Ngày 24 tháng 11, 1960, giáo hoàng Gioan XXIII thiết lập Hàng Giáo phẩm Công giáo Việt Nam với 3 giáo tỉnh Hà Nội, Huế và Sài Gòn. Ngày 22 tháng 8 năm 1961, Thánh địa La Vang được tôn phong là Vương cung thánh đường. Một năm sau, ngày 13 tháng 11 năm 1962, Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn cũng được Tòa Thánh tôn phong lên hàng Vương cung Thánh đường.

Ước tính hiện nay ở Việt Nam có khoảng gần 6 triệu tín hữu thuộc giáo hội Công giáo (xếp thứ 32 trong số các quốc gia có số tín hữu Công giáo đông nhất thế giới)

II. TƯ TƯỞNG KITÔ GIÁO

Trọng tâm của Kitô giáo là Chúa Giêsu, do đó đời sống Kitô hữu chủ yếu là niềm tin rằng Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa, là Đấng Messiah, và là Chúa Kitô. Danh hiệu "Messiah" có nguồn gốc từ tiếng Hebrew מָשִׁיחַ (māšīáh), nghĩa là "đấng được xức dầu", chuyển ngữ sang tiếng Hy Lạp là Χριστός (Khristos).

Đa phần tín đồ Kitô giáo tin rằng Giêsu là Thiên Chúa hóa thân thành người, Giêsu là "Thiên Chúa và là người" trong ý nghĩa trọn vẹn của cả hai bản thể. Vì thế đối với người Kitô hữu Thiên Chúa có 3 ngôi. Theo giáo lý của hầu hết các Giáo Hội thuộc cộng đồng Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa là duy nhất, hiện hữu trong ba ngôi vị: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần (Chúa Thánh Linh). Chúa Cha chỉ có một bản thể thần thượng, thân vị thứ hai trong Ba Ngôi là Chúa Con tức Giêsu – mang lấy bản thể con người, vì vậy Chúa Giêsu có hai bản thể. Giêsu hoàn toàn là Người mà cũng hoàn toàn là Thiên Chúa. Ba Ngôi này bình đẳng, đồng tồn tại vĩnh cửu, có cùng một bản thể, quyền bính, hành động và ý chí. Thiên Chúa là đấng tự mình mà có không do ai tạo thành, người không có khởi đầu và không có kết thúc, Người là alpha và cũng là omega. Chúa Con được sinh ra từ Chúa Cha. Chúa Thánh Linh lưu xuất từ Chúa Cha (hay từ Cha và Con).

Chính vì Giêsu cũng là người nên phải trải qua những đau khổ và bị cám dỗ như con người bình thường, nhưng không hề phạm tội. Theo Kinh Thánh, Thiên Chúa đã khiến Giêsu sống lại từ kẻ chết, đặt Giêsu ngôi bên hữu của Cha và Giêsu sẽ trở lại để làm ứng nghiệm lời tiên tri về Đấng Messiah như sự phục sinh, sự phán xét sau cùng và sự thiết lập Vương quốc của Thiên Chúa.

Trọng tâm của đức tin Kitô giáo là qua sự chết và phục sinh của Giêsu, con người tội lỗi được phục hòa với Thiên Chúa, nhờ đó mà nhận lãnh sự cứu rỗi và lời hứa được hưởng sự sống đời đời. Lời của Thiên Chúa truyền dạy, là lời hằng sống và vĩnh cửu. Những ai tin và sống thực hành Lời Thiên Chúa truyền dạy thì sẽ được hưởng ơn cứu độ, đó là hạnh phúc vĩnh cửu bên Chúa là Cha yêu thương. Kinh thánh chính là toàn bộ lịch sử và cuộc đời của Chúa Giêsu

Kinh thánh: Theo quan niệm của Giáo Hội là “lời Chúa truyền dạy đời đời” là một bộ sách gồm 73 quyển được chia làm 2 bộ *Tân ước* và *Cựu ước*. Ban đầu Kinh thánh được truyền khẩu trong dân gian. Đến thế kỷ II thì bắt đầu được viết trên da dê, từ thế kỷ IV – VI được viết trên giấy Papêrút và đến thế kỷ VII mới viết thành sách. Kinh thánh là một kho tàng lịch sử và điển tích văn học. Trong Kinh thánh bao gồm toàn bộ quan điểm, tư tưởng của giáo lý và tín điều của đạo Kitô. Tùy theo đạo mà số kinh này được chấp nhận theo yêu cầu của giáo lý các đạo. Ví dụ Đạo Chính thống chú trọng 5 cuốn đầu tiên của Kinh Cựu ước. Đạo Tin Lành lại lấy 4 cuốn Kinh Phúc âm làm giáo nghĩa cơ bản....

- Kinh thánh chia làm 2 bộ:

A. **Kinh Cựu Ước:**

Cựu Ước tức là giao ước cũ của người Hebrew (nay gọi là Do Thái) với Thượng Đế. Thượng Đế (God) được người Do Thái tin như là Đấng tối cao duy nhất, được hiểu như là một sức mạnh siêu nhiên sáng tạo ra tất cả (Tạo Hóa, the Creator). Đây có thể được xem là bộ sử đầu tiên của người Do Thái.

Cựu Ước gồm 39 cuốn chia 4 phần:

- sách Luật pháp (5 cuốn đầu của Moses);
- sách Lịch sử (12 cuốn);
- sách Tiên tri (16 cuốn);
- sách Văn thơ (6 cuốn).

Tất cả các sách này đều được viết trước thời điểm sinh ra của Chúa Giêsu. Cựu Ước rất ít màu sắc tôn giáo, nó chứa đựng vũ trụ quan, nhân sinh quan cổ xưa nhất của nhân loại, là tài liệu vô cùng quý giá rất đáng nghiên cứu. Sách Cựu Ước nguyên văn viết hầu hết bằng tiếng Hebrew và một phần bằng tiếng Aramaic (tiếng của người Aram, tức Syria cổ), do nhiều người viết suốt từ năm 1200 đến năm 100 trước CN và được truyền miệng từ rất lâu trước khi viết. Tuy cổ xưa như thế nhưng Cựu Ước là một văn

bản có thực và tồn tại cho tới ngày nay. Thời gian 1947–1956, người ta phát hiện trong các hang động gần Biển Chết chứa hơn 900 “sách” có viết chữ (chữ Hebrew, Hy Lạp, Aramaic) bằng dùi nung trên da cừu, gọi là Sách Cuộn Biển Chết (Dead Sea scrolls), đựng trong các bình gốm cao. Giám định cho thấy số sách này được làm vào khoảng từ năm 100 trước CN tới 70 sau CN, là những bản sao cổ xưa nhất còn tồn tại của Cựu Ước (nội dung hoàn toàn như Kinh Cựu Ước hiện sử dụng) và một số kinh điển khác của người Hebrew. Phát hiện Sách Cuộn Biển Chết có ý nghĩa khảo cổ cực kỳ quan trọng.

Cựu Ước ghi lại đời sống mọi mặt của người Hebrew, từ việc lớn của quốc gia, dân tộc cho tới những chi tiết rất nhỏ nhất trong ăn ở, đối nhân xử thế, thậm chí cả trong sinh hoạt tình dục, nhờ thế giúp hậu thế hiểu chính xác, chi tiết về đời sống tinh thần vật chất của họ cách đây mấy nghìn năm. Một thí dụ: phương pháp tránh thai phổ biến nhất, cổ nhất xưa nay là xuất tinh ngoài âm đạo – phương Tây gọi là Onanism – từ này có nguồn gốc trong Kinh Thánh, chương 38 “Sáng thế ký (Genesis)” “Giuda và con dâu là Tama”.*

B. **Kinh Tân ước:**

Tân Ước tức là Giao ước mới của các tín đồ Kitô giáo với Thượng Đế, nguyên văn viết bằng tiếng Hy Lạp, ra đời một thế kỷ sau khi xuất hiện đạo Kitô, tức rất muộn so với Cựu Ước

Tân Ước mang nặng màu sắc tôn giáo hơn Cựu Ước, nó trình bày cuộc đời và học thuyết của Chúa Giêsu

Tân Ước gồm 27 cuốn, chia làm các phần với mục đích là dẫn dắt tín hữu:

- **Tập 1:** có 4 quyển sách nổi tiếng gọi là sách Phúc âm. 4 cuốn sách này mô tả cuộc đời của Chúa Giêsu, nhất là 3 năm ông đi truyền đạo.
- **Tập 2:** bao gồm 15 cuốn nói về Công vụ tông đồ. Ghi lại các tông đồ làm việc như thế nào khi Chúa về trời.

- **Tập 3:** có 7 cuốn. Nói về hoạt động của 3 tông đồ giỏi nhất.
- **Tập 4:** có tên là Khải huyền thư. Ghi lại việc con người không nghe lời nên bị Chúa trừng phạt

Bản cuối cùng của Tân Ước được ấn định tại Rôma vào khoảng năm 382 sau CN.

Tân Ước nói về sự ra đời của Giêsu - một người con nhà tiên tri, vừa là con vừa là hiện thân của Chúa Trời đến để cứu rỗi thế giới. Giêsu lớn lên và đi thuyết giáo, các phép lạ cùng những lời răn của ông. Cuối cùng là việc Giêsu bị lính La Mã bắt và hành hình (vì bị xem là tuyên truyền tà giáo), Giêsu hồi sinh rồi bay lên trời. Phần sau sách nói về hành trình truyền giáo của những tông đồ của Giêsu cùng lời thuyết của họ

Đối với Kitô giáo thì luật lệ và lễ nghi tương đối khá phức tạp vì đạo giáo này đề cao thuyết thần quyền tuyệt đối (mọi việc do Chúa định) và thuyết giáo quyền tập trung (Giáo Hoàng là đại diện Thiên Chúa ở trần gian). Trong đó phải kể đến

Mười điều răn của Chúa

1. Phải thờ kính Thiên Chúa trên hết mọi sự.
2. Không được lấy danh Thiên Chúa để làm những việc phạm tục, tầm thường.
3. Dành ngày Chúa Nhật để thờ phụng Thiên Chúa
4. Thảo kính cha mẹ.
5. Không được giết người.
6. Không được dâm dục.
7. Không được tham lam lấy của người khác
8. Không được làm chứng dối, che dấu sự giả dối.

9. Không được ham muốn vợ (hoặc chồng) người khác.

10. Không được ham muốn của cải trái lẽ.

Sáu điều răn của Hội Thánh

1. Xem lễ ngày Chúa Nhật và ngày lễ buộc.

2. Kiên giữ việc xác ngày Chúa Nhật.

3. Xưng tội một năm một lần.

4. Chịu lễ ngày phục sinh.

5. Giữ chay những ngày quy định.

6. Kiên ăn thịt những ngày quy định.

Bảy phép bí tích

Phép Bí tích: Một nghi lễ của Thiên Chúa giáo, theo đó ơn Chúa sẽ được đem đến cho các tín đồ. Trong các nghi lễ, phép bí tích là quan trọng nhất, thể hiện mối quan hệ giao tiếp giữa con người với Chúa. Có 7 bí tích:

1. *Bí tích rửa tội*: nhằm xóa tội tổ tông và các tội bản thân. Hình thức là lấy nước lã đổ lên đầu kẻ lãnh bí tích rửa tội và đọc “(tên thánh) tôi rửa tội nhân danh Cha, Con và Thánh thần” còn kẻ lãnh bí tích thề hứa bỏ ma quỷ lánh tội lỗi, tin theo Chúa Kitô giữ lề luật của Người.

2. *Bí tích thêm sức*: để củng cố đức tin kính Chúa

3. *Bí tích thánh thể*: ăn bánh thánh, uống rượu nho với ý nghĩa đó là mình và máu của Chúa Giêsu để được tha tội.

4. *Bí tích giải tội*: dành cho người sám hối tội lỗi.

5. *Bí tích truyền chức thánh*: chỉ dành cho giám mục và linh mục đã được tuyển chọn để họ có quyền tế lễ chăn dắt dân Chúa.

6. *Bí tích hôn phối*: là bí tích kết hợp hai tín hữu 1 nam, 1 nữ thành vợ chồng trước mặt Chúa.

7. *Bí tích xức dầu bệnh nhân*: là bí tích nâng đỡ bệnh nhân về phần hồn và phần xác, giúp tín đồ chịu đựng đau khổ, dọn mình trước cái chết.

Đối với Kitô hữu thì *niềm tin Kitô giáo* là niềm xác tín vào sự hiện hữu của Thiên Chúa. Đức tin ấy là niềm tin chân lý được mạc khải bởi Thiên Chúa trong Kinh thánh. Công đồng Vatian (III, iii) viết, “*Chúng ta tin rằng sự mạc khải là chân xác, không phải vì chân lý nội tại của sự huyền nhiệm có thể được nhận biết rõ ràng do sự soi sáng của lý trí, nhưng do thẩm quyền của Thiên Chúa Đáng tỏ lộ cho chúng ta, vì Ngài không hề lừa dối cũng không hề bị lừa dối*”. Nền tảng của đức tin là lời chứng của Thiên Chúa, không phải là luận cứ về những điều Thiên Chúa phán bảo, mà chỉ đơn giản là Thiên Chúa phán như thế. Đức tin trực tiếp lập nền trên “*Chúa phán như thế*” (câu nói xác chứng thẩm quyền được lặp lại nhiều lần bởi các tiên tri trong Cựu Ước). Nhưng muốn đạt đến thẩm quyền ấy của đức tin, cần phải có sự sở hữu và sự thẩm định đầy đủ về tính chính xác, chân thật và chân lý của Thiên Chúa, cùng với một yếu tố quan trọng khác, cũng là một trong những thuộc tính của Thiên Chúa, ấy là Thiên Chúa không bao giờ thay đổi.

Trong Kitô giáo, *Thánh giá* là biểu tượng của cái chết và sự phục sinh. Cây Thánh Giá là quà tặng Cứu Chuộc, là cây Cứu Chuộc muôn dân được rồi, đó cũng chính là Tình Yêu của Cha và mỗi người được Ôn Cứu Chuộc nhờ chấp nhận quà tặng Thánh Giá. Đó là xác tín của Hội Thánh và hơn thế nữa, đó phải là xác tín của mỗi tín hữu. Niềm tin ấy trở thành niềm vinh dự, khi mỗi tín hữu được thông phần với Thánh Giá Chúa Kitô. Đức Tin ấy là: được trở nên Kitô hữu Công Giáo là nhờ Thánh Giá Chúa Kitô, đồng nghĩa với việc chấp nhận ôm, chấp nhận vác lấy Thánh Giá mà đi theo Chúa. Không ai được phép

từ chối, vì đây là căn tính của Kitô hữu, căn tính của Ôn Cứu Chuộc. Trong đời sống Kitô hữu, Thánh giá trở thành vật linh thiêng đồng hành để bảo đảm cho mỗi tín hữu được Ôn Cứu Độ. Tín hữu tin rằng Chúa đã trao quà tặng hồng phúc của mình qua thánh giá. Cây Thánh Giá tóm lược tất cả những tín điều vô cùng cao siêu của Đạo công giáo: tín điều Một Thiên Chúa,

tín điều Thiên Chúa Ba Ngôi vô cùng sâu thẳm,
tín điều Ngôi Hai, Con Thiên Chúa, Nhập Thể, nhập thể,
tín điều Cứu Chuộc!

Thiên chúa là tình yêu

Điều dễ nhận ra nhất trong Kinh thánh đó chính là tình yêu của Người dành cho con chiên. Tình yêu trong Thiên Chúa thể hiện bằng sự thương xót, quan tâm thông qua những hành động, việc làm của Người đối với nhân loại. "*Thiên Chúa đã yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một.*" (Ga 3,16 ; Rm 8,28-31). Vì thương yêu con người, Thiên Chúa đã hứa sẽ cứu chuộc con người khỏi cảnh chết khi con người phạm phải tội lỗi, và cũng vì yêu thương con người mà Chúa Giêsu đã phải chịu chết trên cây thập tự giá. Vì nghĩ đến con người nên Chúa lại một lần nữa phục sinh để làm tròn sứ mạng lịch sử cho nhân loại. Ấy chẳng phải là một tình yêu quảng đại to lớn hay sao. Cựu Ước cũng nói tới lòng thương xót của Thiên Chúa được tỏ ra trong hoạt động cá vị của Thiên Chúa vào lịch sử con người : chọn dân riêng, ký giao ước. Thiên Chúa luôn yêu thương dân, dù họ thường bất trung. Còn khi Tân Ước tuyên bố "*Thiên Chúa là tình yêu*" là nhằm giải thích nội dung của một kinh nghiệm mà con người có về Thiên Chúa trong Đức Kitô, đó là, Thiên Chúa tự hiến mình cho con người. Người thông ban tất cả những gì "Người Là" cho con người, thông phần bản tính của Người cho ta vì lẽ Người đã chọn yêu ta cách tự do. Bản chất của Kitô-giáo là nhận biết chương trình này của Thiên Chúa.

III. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA KITÔ GIÁO



Thành tựu chữ quốc ngữ

Chữ quốc ngữ ra đời đã đánh dấu một bước ngoặt đáng kể trong nền văn hóa Việt Nam. Để khắc phục được những nhược điểm do chữ Nôm mang lại, các giáo sĩ dòng Tên mà cụ thể là A.de.Rhodes đã dựa theo mẫu tự Latinh lập thành qui tắc chính tả khá rạch ròi, minh bạch cho chữ Quốc Ngữ

Việc ra đời chữ quốc ngữ đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạo. Giáo Hội Thiên Chúa đã sử dụng, nuôi dưỡng và cải tiến để nó không bị mai một và khi có cơ hội xuất hiện là đạt tới độ hoàn hảo



Thành tựu khoa học tự nhiên

Những kiến thức khoa học phương Tây, chủ yếu là khoa học tự nhiên như: cơ khí, vật lý, toán học, thiên văn, y học... qua sự truyền đạo của các giáo sĩ đã sớm được giới thiệu ở Việt Nam

Với kiến thức bản thân, đồng thời để nâng cao uy tín, tạo niềm tin khi truyền đạo, các thừa sai khi tiếp xúc với vua chúa quan lại thường phô trương sự hiểu biết của mình. Nhờ đó, những kiến thức đơn giản về thường thức phổ thông đã sớm được dân chúng biết đến

Cũng giống như sự tạo thành chữ quốc ngữ, động cơ chủ yếu của việc giới thiệu và vận dụng những kiến thức khoa học này cũng chỉ nhằm một mục đích duy nhất là truyền giáo. Tuy nhiên, kết quả của vấn đề lại vượt qua động cơ chủ quan của họ và trở thành một sự giao lưu tiếp xúc văn hóa về mặt tôn giáo



Thành tựu trong ngành in

Nhằm hỗ trợ cho giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam ổn định và phát triển, các giáo sĩ thừa sai đã du nhập vào Việt Nam ngành in hiện đại: in thạch bản, in bằng các con chữ rời để phục vụ trực tiếp cho việc truyền đạo

Nhà in Vĩnh Trị được thành lập từ năm 1855 do thừa sai Theurel trông nom, chủ yếu in các sách giáo lý bằng chữ Nho, chữ Nôm, chữ Latinh và chữ Quốc Ngữ. Đây là nhà in vừa dùng công nghệ in bản khắc gỗ theo kiểu cũ vừa dùng các con chữ rời. Về sau nhà in này được chuyển về Kẻ Sở và trở thành nhà in lớn, hiện đại có thể phục vụ mọi nhu cầu in ấn của Giáo Hội. Cũng chính nhà in này là nơi thừa sai Theurel đã cho in lại cuốn tự điển Việt – La và La – Việt của Taberd được chính ông bổ sung vào năm 1877

Sự ra đời và hoạt động của các nhà in này đã để lại không chỉ những tác phẩm giáo lý mà còn những tài liệu quý hiếm đánh dấu sự phát triển của chữ Quốc Ngữ nói riêng và một giai đoạn lịch sử nói chung

Nghệ thuật kiến trúc nhà thờ

Những nét kiến trúc nghệ thuật phương Tây còn in đậm trên những ngôi nhà thờ lớn còn tồn tại ở Việt Nam. Đây chính là những công trình đồ sộ được thiết kế theo lối phương Tây được dung nạp hài hòa với kỹ thuật xây dựng bản địa đã tạo thành tài sản văn hóa vô giá. Có thể kể đến là nhà thờ Phát Diệm, nhà thờ Hà Nội, nhà thờ Đức Bà....

Hoạt động từ thiện và các tổ chức xã hội

Việc thành lập các trại cô nhi đưa những trẻ ốm yếu, mồ côi không nơi nương tựa vào các giáo phận để nuôi nấng, dạy dỗ là một việc làm hết sức nhân đạo

Mô hình nhà thương hủi để thu nhận những người không may mắc bệnh, bị gia đình và xã hội xa lánh đã được thành lập ở nhiều giáo phận khác nhau trong khắp đất nước. Tại đây những bệnh nhân được chăm sóc và phục vụ chu đáo, tận tình bởi các nữ tu

Lần đầu tiên vắc xin ngừa bệnh đậu mùa đã được giám mục Retord đem chủng cho dân chúng ở Hoàng Nguyên. Những thành tựu y học đã được các nữ tu áp dụng để cứu chữa cho người dân không chỉ trong mà còn ngoài đạo. Việc này đã tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa bên đạo và bên đời

Những hoạt động từ thiện có tổ chức của nhà thờ Thiên Chúa giáo được xem như những nét đẹp nổi bật của văn hóa phương Tây nói chung và của Kitô giáo nói riêng

Những đóng góp khác về văn hóa giáo dục

Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam đi đầu trong việc mở trường học theo kiểu phương Tây, dạy các môn khoa học thực dụng. Năm 1882, các giáo sĩ thừa sai đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập trường Thông ngôn ở Huế và trở thành giảng viên chính của trường này. Các trường học kiểu mới này hoạt động rất nghiêm chỉnh và tạo được uy tín trong việc đảm bảo chất lượng học tập của học sinh

IV. SỰ TIẾP XÚC TƯ TƯỞNG KITÔ GIÁO VỚI TƯ TƯỞNG TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Trước khi có sự du nhập của Kitô giáo thì ở Việt Nam đã vốn sẵn có một hệ tư tưởng của văn hóa nông nghiệp phương Đông. Đó là một nền văn hóa tư tưởng lấy gia tộc làm gốc, lấy tình cảm làm trọng, giềng mối tổ tiên, cha ông, duy trì nòi giống con cháu, ưa chuộng tính bền vững, yêu thích hòa bình, sống an cư lạc nghiệp. Những đặc tính đó thể hiện tính “trọng tình” của văn hóa truyền thống, cốt để giữ được những tình cảm, đạo đức hài hòa, thủy chung của người dân Việt

Không những thế, tư tưởng tôn giáo Việt Nam còn lại được tiếp nhận, bổ sung thêm từ những tinh hoa đạo đức của văn hóa phương Đông mà cụ thể là Trung Quốc thông qua Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo... Chính vì thế niềm tin tôn giáo bản xứ vốn đã phong phú nay lại càng thêm dồi dào. Những tư tưởng “trọng tình” không những không bị mai một mà lại thêm vững vàng, sâu sắc hơn. Sinh hoạt thờ cúng tổ tiên truyền thống kết hợp với chữ Hiếu của Khổng giáo đã ăn sâu vào máu thịt của mỗi người bất kể sang hèn, giàu nghèo, già trẻ, gái trai. Bàn thờ ông bà luôn được đặt trang trọng ở giữa nhà và trong những dịp giỗ chạp, tế lễ thì việc cúng lạy luôn là tập tục trong mỗi gia đình Việt. Có thể nói tục thờ cúng tổ tiên đã trở thành nét đặc trưng, tiêu biểu nhất của đời sống tâm linh người Việt

Ngoài ra, với tấm lòng tri ân, biết ơn những vị anh hùng, những người đã có công khai hoang, mở đất cho cuộc sống tốt đẹp hôm nay, người dân Việt cũng không quên thờ cúng các vị thần của cộng đồng làng xã như Thành hoàng. Tư duy nông nghiệp đã khiến cho con người có niềm tin vào sự che chở, bảo hộ của các vị thần linh và sự linh thiêng của các tôn giáo khác. Điều này chứng tỏ có sự dung hợp, đan xen lẫn nhau giữa các tôn giáo lớn (tam giáo đồng quy) và đó cũng là nét đặc biệt trong ý thức tôn giáo của người Việt

Thế nhưng, đối với Kitô giáo khi xâm nhập vào Việt Nam lại gặp phải những rào cản mạnh mẽ từ nhiều phía. Trước hết, Kitô giáo khi du nhập vào Việt Nam đã mang sẵn thói tự cao, kiêu hãnh về một nền văn minh phương Tây, về tính ưu việt và hoàn vũ của mình. Với chiêu bài đi khai hóa dân man di, người phương Tây mà cụ thể là thực dân Pháp đã chủ quan áp đặt một tôn giáo hoàn toàn mới lạ vào Việt Nam, đó là Kitô giáo. Bằng thái độ như vậy nên Kitô giáo bước đầu đã coi các tôn giáo khác là mê tín, dị đoan, là thấp kém nên chủ trương phải xóa sạch. Làm như vậy là họ đã công khai xâm phạm nền văn hóa dân tộc, đồng hóa dân bản địa về mặt tôn giáo. Bên cạnh đó, đằng sau sự du nhập của Kitô giáo là các thế lực phương Tây đang là những người tổ chức, tài trợ cho cuộc truyền giáo để qua đó mở rộng lãnh thổ, khai thác thị trường mới và nếu có thể thì biến chúng thành thuộc địa

Mặt khác, trong điều luật của mình, Kitô giáo không cho phép tín đồ thờ cúng tổ tiên, thấp nhang cúng tế. Trong khi đó tín ngưỡng truyền thống là đạo thờ ông bà, nhớ ơn tổ tiên dòng họ, do đó, đại bộ phận người dân Việt lúc bấy giờ đã không thể chấp nhận tôn giáo mới này mặc dù các tư tưởng đạo đức của nó cũng tương đối gần gũi với nền tảng luân lý người Việt Nam

1. Sự gặp nhau giữa tư tưởng Kitô giáo và truyền thống dân tộc

Điểm chung của các tôn giáo là tinh thần nhân đạo, tính nhân văn bao la, bác ái, là mong ước mưu cầu hạnh phúc cho con người. Từ Phật giáo cho đến Nho giáo, Đạo giáo

đều răn dạy con người làm những việc lành, lánh xa việc dữ, sống chan hòa thương yêu nhau. Kitô giáo cũng không nằm ngoài những tư tưởng đó.

Đức Kitô thường răn dạy: *“Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người. Đó là điều răn quan trọng nhất. Còn điều răn thứ hai, cũng giống điều răn ấy, là: người phải yêu mến người thân cận như chính mình”* (Mt 2, 37 – 39). Yêu mến kẻ khác như yêu chính bản thân mình, đó không chỉ là lời Chúa dạy mà truyền thống Việt Nam vốn đã có: *“Thương người như thể thương thân”*. Vì Kitô giáo là đạo độc thần, chỉ tôn thờ duy nhất Đức Chúa nên Người yêu cầu con chiên phải kính Chúa trước tiên. Kính Chúa là làm theo lời Chúa dạy, mà Chúa thì lúc nào cũng thương yêu con người, vì Chúa là tình yêu. Chúa cũng là người nên bản tính người nơi Chúa lúc nào cũng có, chỉ khác một điều là Chúa chưa bao giờ phạm lỗi. Vì yêu mến con người, vì muốn cứu chuộc tội tổ tông cho loài người mà Chúa đã phải chịu nhiều thử thách, gian khổ bằng cái chết trên thập tự giá. Sự hy sinh và phục sinh của Chúa là lời dạy cho các tín đồ rằng: *“Thầy nói với anh em những điều ấy để trong Thầy anh em được bình an. Trong thế gian anh em sẽ phải gian nan khốn khó. Nhưng can đảm lên! Thầy đã thắng thế gian”* (Ga 16, 33). Cam đảm, kiên nhẫn vượt qua mọi khó khăn thử thách, không thối chí hay nản lòng trước những trở ngại để đi đến thành công là đức tính mà bấy lâu nay dân tộc Việt Nam nói chung và người Kitô hữu nói riêng đã làm được

Hòa mình vào dòng tư tưởng chung của tôn giáo dân tộc, Kitô giáo cũng khuyên con người sống ngay thẳng, công chính và thành thật với bản thân, gia đình và xã hội. *“Vậy, Thầy bảo cho anh em biết, nếu anh em không ăn ở công chính hơn các kinh sư và người Pa ri siêu, thì sẽ chẳng vào được nước trời”* (Mt 5,20), *“người công chính sẽ vui mừng trong Chúa, và ẩn náu bên Người. mọi tấm lòng chính trực đều lấy thế làm vinh”* (Tv 64,1). Đức tính tiết độ trong Thiên Chúa chính là thái độ trung dung, không thái quá cũng không bất cập, biết kèm chế những dục vọng thấp hèn và phát huy những lương năng tốt đẹp. *“Phải khuyên các cụ ông phải tiết độ, đàng hoàng, chừa mực, vững mạnh trong đức tin, đức mến và đức nhân nại”* (Tt 2,2)

Khiêm nhường cũng là một trong những đức tính hay của Kitô giáo mà Chúa đã dạy cho tín hữu bằng chính hành động rửa chân cho đồ đệ của mình. “*Anh em có hiểu việc Thầy mới làm cho anh em không? Anh em gọi Thầy là “Thầy”, là “Chúa” điều đó phải lắm, vì quả thật, thầy là Thầy, là Chúa. Vậy, nếu Thầy là Chúa, là Thầy, mà còn rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau. Thầy đã rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau. Thầy đã nêu gương cho anh em, để anh em cũng làm như thầy đã làm cho anh em*” (Ga 13, 12 – 16). Khiêm cung, từ tốn là những đức tính đáng quý mà ai cũng muốn hướng đến không chỉ riêng người Kitô hữu. Khiêm nhường sẽ giúp con người có cuộc sống dễ chịu, nhẹ nhàng và thoải mái vì luôn xem trọng người khác và có thái độ phục vụ không chỉ người lớn hơn mà còn kẻ nhỏ hơn mình.

Ngoài ra, Chúa còn dạy cho các tông đồ của Người dù trong bất cứ hoàn cảnh nào thiếu thốn hay khá giả đều phải coi của cải vật chất là thứ phương tiện cho cuộc sống, không vì sự xa hoa nhào nhoáng cám dỗ bên ngoài mà làm mất đi bản tính thiên lương vốn có ở mỗi con người. Đồng thời cũng phải biết thương cảm, xót xa, đùm bọc giúp đỡ những kẻ nghèo khó, khôn khéo hơn mình. “*Anh em phải coi chừng, phải giữ mình khỏi mọi thứ tham lam, không phải vì hư giả mà mạng sống con người được đảm bảo nhờ của cải đâu*” (Lc 12, 13). Trong ca dao, tục ngữ Việt Nam có câu: “lá lành đùm lá rách”, “một miếng khi đói bằng một gói khi no”, hay “bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”...để nói về tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ những người hoạn nạn, khó khăn. Đây có lẽ là những luân thường đạo lý cơ bản nhất mà tôn giáo nào cũng có

Tinh thần nhân nghĩa, khoan dung, hòa thuận hiếu kính với các bậc sinh thành dưỡng dục là một trong mười điều răn của Chúa và cũng chính là cội nguồn đạo lý, là đức tính truyền thống của người Việt Nam. Trong gia đình, hòa thuận với ông bà cha mẹ anh em, trên thuận dưới hòa. Đối với xã hội, hòa thuận sẽ giúp thế giới an bình, bớt chiến tranh, loạn lạc

2. Những thích nghi và hội nhập của Kitô giáo vào văn hóa Việt Nam

Để một tôn giáo có thể xâm nhập vào một tổ chức xã hội mới vốn đã có nền tảng văn hóa tư tưởng mang đậm bản sắc dân tộc thì bản thân tôn giáo ấy phải có sự điều chỉnh hợp lý để có thể thích nghi với hệ tư tưởng bản địa. Hơn ai hết các nhà truyền giáo của Kitô giáo hiểu rất rõ về điều ấy, nhất là đối với một đất nước như Việt Nam vốn mang nặng bản sắc Đông phương. Người có công nhất trong việc thích ứng tư tưởng Kitô giáo với các tư tưởng truyền thống nội tại phải kể đến là linh mục Alexandre de Rhodes. Ông là người đã có nhiều nỗ lực trong việc thích nghi một cách mềm dẻo và hội nhập vào văn hóa trong xã hội Việt Nam

Trước hết, để hiểu được văn hóa bản địa thì cần phải biết người bản xứ nói gì. Chính vì vậy việc đầu tiên mà Alexandre de Rhodes xác định cần phải làm ngay là học tiếng Việt để biết văn hóa Việt. Và, chỉ trong một thời gian ngắn ông đã có thể nói thông thạo tiếng Việt. Nhờ khả năng này, ông đã tiếp cận dễ dàng với mọi tầng lớp xã hội, trực tiếp rao giảng Lời Chúa cho người nghe bằng tiếng mẹ đẻ của họ, soạn thảo những cuốn sách rất có giá trị bằng tiếng Việt. Tuy là giáo sĩ của một nước văn minh Âu Châu, nhưng Alexandre de Rhodes luôn luôn tôn trọng văn hóa của các dân tộc, và để truyền giáo cho có hiệu quả, ông chủ trương chính mình phải thích ứng với họ, chứ không nên áp đặt một chiều, bắt họ phải thích ứng với mình. Vì thế, Alexandre de Rhodes luôn tỏ ra tôn trọng các phong tục địa phương.

Để có thể hòa nhập vào cộng đồng người bản xứ thì không chỉ hiểu được tiếng của họ mà trang phục cũng phải giống họ. Chính thế nên trong quá trình truyền đạo của mình Alexandre de Rhodes luôn ăn mặc như người Việt: áo thụng, quần ta, tóc dài. Ngoài ra, để giữ khuôn khổ vua – tôi của xã hội phong kiến Việt Nam lúc bấy giờ, ông đã tự coi mình như một người dân trong nước, luôn luôn tuân theo những nghi thức lễ nghĩa của người Việt, đặc biệt trong cách xưng hô, bái lạy, chào hỏi...

Người Việt Nam gắn bó với những tập tục tại đình, làng, miếu hội và thường tổ chức những lễ hội, với những sinh hoạt vui chơi giải trí, rước kiệu các vị Thành Hoàng. Thích nghi với truyền thống đó, Kitô giáo cũng cho tổ chức những lễ hội, đình đám vào những dịp mừng lễ lớn trong đạo, và tổ chức những buổi rước kiệu Thánh Thể, rước tượng Chúa hay Đức Mẹ... Người Kitô hữu Việt Nam rất thích những cuộc rước kiệu như thế.

Trong các lễ hội dân tộc, dân gian người Việt ta thường tổ chức những trò chơi thi đua để giúp vui sau những ngày đồng áng: đấu đô vật, thi ca hát, làm thơ, nấu cơm thi, chạy đua, thi bắn tên, v.v... Lợi dụng tính cộng đồng làng xã vốn có ấy, Kitô giáo cũng cho tổ chức những cuộc thi tuyển nhân tài nhân những dịp lễ lớn như Giáng Sinh và Phục Sinh: thi kinh, thi bản, thi lễ đạo, thi ngắm đứng, thi ca hát, v.v... Giới nào thi với giới đó: người già với người già, thanh niên với thanh niên, trẻ em với trẻ em... Nhờ vậy, mọi giới đều được khuyến khích học hỏi, đào sâu giáo lý, lễ đạo... một cách rất hữu hiệu và đầy hứng khởi.

Thờ cúng tổ tiên từ xa xưa đã trở thành tập tục, thành nếp sinh hoạt của người dân Việt. Một người Việt Nam không thực hành nghi lễ ấy trong đời sống gia đình và xã hội của mình thì bị coi là bất hiếu, mất gốc... Vì thế, khi Tòa Thánh ra lệnh cấm không cho người Kitô hữu thờ kính tổ tiên, thì người Kitô hữu Việt Nam lâm vào tình trạng hoang mang và nhiều người chỉ vì lý do này mà không muốn trở thành con chiên của Chúa. Lúc đầu việc thờ cúng tổ tiên bị Hội truyền giáo Paris chủ trương chống lại gay gắt, tuy nhiên sau đó dưới áp lực của người Kitô hữu thì chủ trương này có đôi phần nới lỏng và cho đến nay thì hoàn toàn cho phép tín hữu duy trì tập tục này. Đây chính là một trong những rào cản lớn nhất của Kitô giáo khi truyền bá vào Việt Nam, dỡ bỏ rào cản này tức là đã mở thêm nhiều cánh cửa để du nhập thêm các tôn giáo.

Đạo Hiếu trong Kitô giáo được chú trọng và xem như nền tảng của mình (là điều răn thứ tư trong 10 điều răn của Chúa), vì vậy khi hòa vào dòng tư tưởng chung của dân tộc nó dễ dàng được tiếp nhận vì phù hợp với tinh thần hiếu thảo của dân ta. Tuy nhiên,

theo Thần học "Tam Phụ" của Alexandre de Rhodes thì cha mẹ có ba cấp độ: Thượng Phụ, Trung Phụ và Hạ Phụ, tương đương với Cha trên trời (Thượng Phụ), đối với đất nước và Giáo Hội (Trung Phụ), và đối với cha mẹ dưới đất (Hạ Phụ). Bốn phận đối với Cha trên trời là căn bản, các bốn phận sau xuất phát từ bốn phận căn bản trên. Trong Kitô giáo, Thiên Chúa và nhân loại được quan niệm như một đại gia đình, trong đó Thiên Chúa là Cha, và nhân loại là anh chị em với nhau. Bốn phận đối với cha mẹ bao giờ cũng quan trọng hơn đối với anh chị em, vì tương quan hàng ngang (giữa anh chị em với nhau) phát sinh từ tương quan hàng dọc (giữa cha mẹ và con cái). Thật vậy, nếu không cùng do một cha mẹ sinh ra thì đâu phải là anh chị em với nhau! Cha mẹ ta dưới đất cũng là con cái của Cha trên trời, vì thế, theo một ý nghĩa nào đó, các ngài cũng là anh chị của ta, nhưng là anh chị một cách đặc biệt, vì đã cộng tác với Thiên Chúa để sinh ra ta. Vì thế, giữa hai thứ hiếu: hiếu đối với Cha trên trời, và hiếu đối với cha mẹ, thì hiếu trước nặng hơn hiếu sau và là nền tảng cho hiếu sau. Người Kitô hữu tin tưởng rằng Cha trên trời yêu thương ta gấp trăm ngàn lần cha mẹ dưới đất yêu thương ta.

Tuy nhiên, không nên nghĩ rằng chủ trương như thế là người Kitô hữu coi nhẹ chữ hiếu đối với cha mẹ dưới đất hơn các tôn giáo khác. Thực tế không phải như thế, vì càng yêu Chúa thì người Kitô hữu càng cảm thấy phải yêu thương nhau, và do đó, càng nhận ra bốn phận phải yêu mến thảo kính cha mẹ hơn. Tương tự như một người con càng hiếu thảo đối với cha mẹ, thì tự nhiên càng yêu thương anh chị em hơn. Tình yêu đối với Cha trên trời và đối với anh chị em đồng loại chỉ là một tình yêu duy nhất, nhưng có hai mặt có thể phân biệt nhưng không thể tách rời: mặt này lớn thì mặt kia cũng lớn theo, mặt này nhỏ thì mặt kia cũng nhỏ theo. Do đó, càng mến Chúa đích thực thì càng yêu thương đồng loại đích thực, hay nói cách cá biệt hơn, càng hiếu thảo với Cha trên trời thì tất nhiên càng hiếu thảo với cha mẹ dưới đất. Như vậy, khi đưa quan niệm về đạo hiếu của mình vào nền văn hóa dân tộc, thì người Kitô hữu đã hoàn chỉnh quan niệm thảo hiếu đối với cha mẹ vốn sẵn có trong nền văn hóa Việt Nam, làm cho quan niệm về đạo hiếu của dân tộc trở nên rộng rãi và đầy đủ hơn.

Ngoài ra, trong quá trình thâm nhập Kitô giáo vào Việt Nam thì các thừa sai đã rất cố gắng trong việc hòa hợp, thích nghi với các tư tưởng, tôn giáo có sẵn để mong đưa tôn giáo này đến khắp mọi người. Trong đó phải kể đến những thích nghi trong việc tiến hành bí tích rửa tội, trong phụng vụ mùa chay và tuần thánh hay trong việc trình bày giáo lý... Tất cả những việc thích ứng và giao thoa đó chỉ nhằm phục vụ cho một mục đích duy nhất là truyền đạo và họ đã thành công vì từ đây đã có thêm một tôn giáo mới cùng chung sống trong một mái gia đình Việt Nam.

3. Một số hạn chế của Kitô giáo

- ✚ Thứ nhất: Kitô giáo là một tôn giáo có tổ chức với những hoạt động đặc trưng mang tính tập thể cao. “Đó là một cộng đồng gắn bó với nhau rất chặt chẽ trong một đức tin không thể lay chuyển, trong một hệ thống giáo luật không thể vi phạm, trong một tổ chức nhân sự chặt chẽ...”, chính vì điều này đã tạo cho người Kitô hữu có một đời sống khép kín, tương đối hướng nội. Những người Kitô hữu thường có thái độ hoài nghi, dò xét đối với những người ngoại đạo.
- ✚ Thứ hai: Vì Kitô giáo có những giới luật riêng, những sinh hoạt cộng đồng riêng nên người Kitô hữu thường tỏ ra nghiêm khắc đối với những lề luật đó, đặc biệt là trong bí tích hôn phối. Những gia đình có đạo thường bắt người phối ngẫu với mình phải theo đạo, điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả đi đến hôn nhân của các đôi trai gái.
- ✚ Thứ ba: *“tôn giáo này tỏ ra quá khắt khe với các tín ngưỡng, phong tục tập quán bản địa, không hòa nhập với nền văn hóa truyền thống và thường xuyên bị lôi cuốn vào những hoạt động chính trị...”* ví dụ như việc đề nghị phong thánh cho 117 chân phúc tử đạo tại Việt Nam năm 1988, đã gây bất bình trong nhân dân; gần đây nhất (1997), một số kẻ phản động lại đề nghị Tòa thánh Vatican phong thánh cho Nguyễn Văn Tân (dòng Cứu thế), là một tên phản bội Tổ quốc và có nhiều tội với dân tộc (làm tay sai cho Mỹ - Ngụy đi tuyên truyền di cư và tuyên truyền xuyên tạc chính sách đại đoàn kết của Đảng và Nhà nước ta, đã bị Tòa án nhân dân thành

phô Hà Nội xét xử năm 1955). Những điều này là những việc làm trái với pháp luật Việt Nam hiện hành, đồng thời nói lên rằng Giáo Hội Công giáo cũng chưa làm hết sức nhiệm vụ của mình như khẩu hiệu: *Sống tốt đời đẹp đạo* mà Kitô giáo đã đề ra

- ✚ Thứ tư: trong sinh hoạt đời sống Kitô hữu, các ban bộ giáo chức trong Kitô giáo phần lớn chỉ tập trung nỗ lực vào đời sống kỷ luật hơn là bồi dưỡng đạo đức nhân cách. “ *Tổ chức phụng vụ phải trật tự, cử điệu diễn tả phải thống nhất, mọi thành phần đều phải giữ đúng giờ, ngồi đúng chỗ...Nhiều chuyên gia phụng vụ chỉ quan tâm “làm sao cho đúng” chứ ít để ý “làm sao để nuôi dưỡng đức Tin”. Khi những người có trách nhiệm, linh mục, ông trùm, bà quản chỉ quan tâm đến quản trị, thì những người có hoàn cảnh riêng, trở thành những kẻ phá đám...”*

Có lẽ mặt hạn chế của Kitô giáo còn nhiều nữa hoặc những điều nêu trên đã giảm đi nhưng dù tôn giáo có hoàn hảo đến đâu thì vẫn có những mặt khiếm khuyết cần bổ sung bởi những tôn giáo khác. Kitô giáo cũng không nằm ngoài lệ

4. Những ưu điểm của Kitô giáo

Ngoài những đạo đức hòa hợp vào tư tưởng tôn giáo chung của dân tộc thì Kitô giáo cũng có những nét riêng hết sức đặc sắc, đó là:

Kitô giáo là một tôn giáo có tổ chức riêng nên người Kitô hữu được sống trong môi trường đồng đạo lành mạnh. Hệ thống Kitô giáo giống như một mô hình thu nhỏ của xã hội, có đầy đủ những luật lệ, thể chế vun đắp, bồi dưỡng cũng như giáo dục, khiển trách để hình thành nhân cách con người

Những lề luật của Kitô giáo tuy có khắt khe nhưng nó cũng thể hiện những mặt tích cực của nó, ví dụ như việc đi lễ ngày chủ nhật giúp con người có thể gần gũi nhau hơn trong tình thương yêu của các tín hữu, chính ngày này con người có thể vứt bỏ được cuộc sống bộn bề thường nhật để hòa hợp với tình thương của Chúa. Hay như bí tích hôn

phôn, giáo lý hôn nhân giúp những bạn trẻ chuẩn bị bước vào ngưỡng cửa hôn nhân có những chuẩn bị về tâm lý, giới tính để tạo lập một gia đình mới...


Chắc chắn rằng những mặt tích cực của Kitô giáo còn nhiều hơn nữa nhưng vì chúng tôi là những kẻ ngoại đạo nên chưa thấy và chưa hiểu hết những mặt ấy chỉ biết rằng những đóng góp của tôn giáo này cho xã hội là điều không thể phủ nhận

KẾT LUẬN


Kitô giáo là một tôn giáo mới du nhập gần đây nhất so với các tôn giáo khác có mặt tại Việt Nam, tuy vậy tôn giáo này vẫn đứng vững và bám rễ sâu trong một bộ phận đáng kể dân chúng. Điều này khẳng định khả năng thích ứng mạnh mẽ của nó cũng như những tư tưởng đạo đức có nhiều điểm tương đồng với tư tưởng truyền thống bản địa. Người Việt Nam khi nói về tôn giáo này còn có thái độ e dè, nghi hoặc với những định kiến sâu sắc liên quan đến chính trị, nên chẳng đã đến lúc cần trả lại đúng bản chất của một tôn giáo cho đạo Kitô ? Làm được vậy người dân sẽ có thể cảm thông và hiểu rõ hơn những tư tưởng văn hóa tốt đẹp của Kitô giáo để có thể dung nạp hay ít ra cũng có cái nhìn thiện cảm hơn với tôn giáo này


Thật thiếu sót nếu chỉ nhìn thấy những mặt hạn chế, tiêu cực của tôn giáo này mà quên đi hoặc cố tình không biết đến những đóng góp đáng kể của Kitô giáo đối với xã hội Việt Nam, mà trong đó là sự ra đời của chữ Quốc ngữ, thứ chữ viết mà ngày nay chúng ta đang sử dụng. Vì vậy khi đến với tôn giáo nên có cái nhìn khách quan.


TÀI LIỆU THAM KHẢO


 *Một số đóng góp của Thiên Chúa giáo đối với văn hóa Việt Nam (thế kỷ XVII – đầu thế kỷ XX)*, Ths. Phan Thị Thanh Huyền, khoa Lịch sử, trường ĐH Sư phạm Hà Nội


 *Triethoc.edu.vn*

 *Lịch sử đạo Thiên Chúa*, Jean Baptiste Duroselle và Jean Marie Mayeur (Người dịch Trần Chí Đạo), NXB Thế Giới Hà Nội, 2004

 *Sự du nhập của đạo Thiên Chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX*, Nguyễn Văn Kiệm, Hội khoa học lịch sử Việt Nam, trung tâm Unesco bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam

 *Những căn bệnh trầm kha trong đời sống đức tin Công giáo tại Việt Nam*, Nguyễn Trọng Viễn, NXB Phương Đông

 *Đức Giêsu trước khi có Kitô giáo*, A. Nolan (Chuyển ngữ: Lm Vương Đình Bích), NXB Tôn giáo

 *Sự tiếp biến văn hóa Việt Nam trong những thập niên đầu thế kỷ XX*, TS. Nguyễn Thị Đám, ĐH Sư phạm Huế